

Bản án số: 91/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiên
2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN.

Trụ sở: Cách Mạng Tháng 8, phường BN, Quận 1, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Phan Xích Long, Phường 2, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, là đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền số 32/2023/POA ngày 22/5/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN.

(vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Lê Văn Sỹ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Tài chính TNHH S.

Trụ sở: Tôn Đức Thắng, Phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 03 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN có bà Nguyễn Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/12/2015, bị đơn bà Hoàng Thị L và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính PVN (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S), có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 với nội dung Công ty Prudential cho bà Hoàng Thị L vay số tiền: 40.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; ngày rút vốn: 28/12/2015; thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 32%/năm; Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Sau khi rút vốn, từ ngày 28/12/2015 đến ngày 05/5/2016 bà Hoàng Thị L vẫn thanh toán đầy đủ. Theo hợp đồng, các đợt thanh toán sẽ vào ngày 05 hàng tháng. Tuy nhiên, đến ngày 05/6/2016 bà Liên ngừng thanh toán. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/6/2016, Công ty Shinhan Việt Nam đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ ngày rút vốn đến thời điểm Công ty S chuyển nhượng các khoản nợ, bị đơn đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 7.812.200 đồng, trong đó: nợ gốc trong hạn là 2.217.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.594.600 đồng).

Ngày 09/9/2022, Công ty S ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN (sau đây viết tắt là Công ty MBNQT). Theo thỏa thuận, Công ty S đã chuyển nhượng cho Công ty MBNQT nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10765819 của bị đơn bà Hoàng Thị L. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổng dư nợ còn lại của bị đơn bà Hoàng Thị L là 182.313.796 đồng, trong đó: tiền nợ gốc quá hạn là: 37.782.400 đồng; nợ tiền lãi quá hạn: 25.633.700 đồng; nợ tiền lãi phạt chậm thanh toán là: 117.097.696 đồng; tiền phí quá hạn là: 1.800.000 đồng.

Công ty MBNQT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị L thanh toán cho Công ty MBNQT tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2022 là 182.313.796 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 37.782.400 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.633.700 đồng; tiền lãi phạt chậm thanh toán là: 117.097.696 đồng; tiền phí quá hạn là: 1.800.000 đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần ngay khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn Công ty MBNQT không yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lãi sau ngày 09/9/2022 theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 ngày 28/12/2015 giữa Công ty Prudential và bà Hoàng Thị Liên.

Vì đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên Công ty MBNQT chỉ yêu cầu cá nhân bà Hoàng Thị L là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên.

- Bị đơn bà Hoàng Thị L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật nhưng không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty MBNQT nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bị đơn.

- Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 11/8/2023, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S trình bày:

Công ty Shinhan đã thực hiện bán khoản nợ của bị đơn bà Hoàng Thị L cho Công ty MBNQT. Theo đó, Công ty Shinhan không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ này.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S không có ý kiến gì bổ sung hay yêu cầu đối với bị đơn bà Hoàng Thị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN có bà Nguyễn Thị Thùy D đại diện vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Hoàng Thị L vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty MBNQT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn bà Hoàng Thị L có địa chỉ cư trú tại số Lê Văn Sỹ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

Tại đơn đề ngày 11 tháng 8 năm 2023, bà Nguyễn Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty MBNQT yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Hoàng Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt. Căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị Liên.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Công ty MBNQT yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị L thanh toán cho Công ty MBN tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2022 là 182.313.796 đồng, trong đó: tiền nợ gốc quá hạn là: 37.782.400 đồng; nợ tiền lãi quá hạn: 25.633.700 đồng; nợ tiền lãi phạt chậm thanh toán là: 117.097.696 đồng; tiền phí quá hạn là: 1.800.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 ngày 28/12/2015.

[2.2] Xét, Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 ký ngày 28/12/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Tài chính PVN (sau đây viết tắt là Công ty P) với bà Hoàng Thị L thể hiện hai bên đã thỏa thuận và ký kết các nội dung: Công ty TNHH Một thành viên Tài chính PVN cho bà Hoàng Thị L vay số tiền: 40.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; ngày rút vốn: 28/12/2015; thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 32%/năm; Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Việc thỏa thuận và ký kết này của các đương sự phù hợp với qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và qui định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.3] Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC, ngày 09/9/2022 giữa Công ty P (nay đổi tên thành Công ty S) với Công ty MBN, thể hiện Công ty MBNQT đã mua lại toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 10765819 giữa bà Hoàng Thị L với Công ty TNHH P. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 10765819 giữa Công ty P với bà Hoàng Thị L được chuyển giao cho Công ty MBNQT.

[2.4] Về nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819; Phiếu yêu cầu giải ngân và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định, sau khi rút vốn, từ ngày 28/12/2015 đến ngày 05/5/2016 bà Hoàng Thị L vẫn thanh toán cho Công ty Shinhan tổng số tiền là 7.812.200 đồng, trong đó: nợ gốc trong hạn là 2.217.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.594.600 đồng. Đến ngày 05/6/2016, bà L ngừng, không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Hợp đồng tín dụng số 10765819. Việc bà L ngừng thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng.

Tại Điều 280 của Bộ luật dân sự: “[1] Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. [2] Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc....” và tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và sau khi nhận chuyển nhượng khoản nợ của Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 giữa bà L và Công ty S, Công ty MBNQT không nhận được bất cứ khoản tiền nào do bà L thanh toán cho khoản nợ nêu trên nên Công ty Quốc tế khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 37.782.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.5] Về nợ lãi: Lãi suất được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 giữa Công ty Shinhan và bà Hoàng Thị L là 32%/năm, lãi suất hàng tháng thực tế là 2.67%.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Vì Công ty TNHH Một thành viên Tài chính PVN có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Công ty MBNQT yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/9/2022 là 25.633.700 đồng; nợ tiền lãi phạt chậm thanh toán là 117.097.696 đồng; tiền phí quá hạn là 1.800.000 đồng là có cơ sở.

[2.6] Nguyên đơn Công ty MBNQT không yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị L chịu lãi phát sinh kể từ sau ngày ngày 09/9/2022 (ngày Công ty Shinhan chuyển nhượng khoản nợ của Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 cho Công ty MBNQT) cho đến khi bà Hoàng Thị L trả hết nợ là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty MBNQT tổng số tiền là 182.313.796 đồng, trong đó: tiền nợ gốc quá hạn là 37.782.400 đồng; nợ tiền lãi quá hạn là 25.633.700 đồng; nợ tiền lãi phạt chậm thanh toán là 117.097.696 đồng; tiền phí quá hạn là 1.800.000 đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần ngay khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của

nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thông tư Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN:

Bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN tổng số tiền là 182.313.796 đồng (một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười ba ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng), bao gồm: tiền nợ gốc quá hạn là 37.782.400 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng); tiền nợ lãi quá hạn là 25.633.700 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng); tiền lãi phạt chậm thanh toán là 117.097.696 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi sáu đồng); tiền phí quá hạn là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10765819 ký kết ngày 27/01/2015 giữa bà Hoàng Thị L với Công ty TNHH Một thành viên Tài chính PVN (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH S) và Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC, ngày 09/9/2022 giữa Công ty Tài chính TNHH S với Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN.

Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.115.690 đồng (chín triệu một trăm mười lăm ngàn sáu trăm chín mươi đồng).

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.557.845 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0008366 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn MBN và bà Hoàng Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- CCTHADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hoa